

ĐỨC CHÂN PHƯỚC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAO LÔ ĐỆ II TRƯỚC SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Người đăng: DangTrinh, 09-MAY-2012

Nhiều năm trước đây, sau khi Cộng sản Liên Bang Xô Viết và Đông Âu sụp đổ trên mười mấy năm trước đó, chúng tôi có viết một bài liên quan đến ĐTC Gioan Phaolô II, trong đó có người cho rằng Cộng sản sụp đổ nhờ có ĐTC Gioan Phaolô II “làm chính trị”.

Để làm sáng tỏ vấn đề ĐTC thực sự có “làm chính trị” hay “không làm chính trị”, trên cương vị của một nhà lãnh đạo tôn giáo, chúng tôi có trích lại đoạn phỏng vấn của hai ký giả Enzo Mauro và Paolo Mieli của tờ nhật báo La Stampa, một trong những nhật báo lớn nhất nhì Ý Quốc như sau: “Kính thưa Đức Thánh Cha, người ta đồn rằng Đức Thánh Cha làm chính trị, Đức Thánh Cha nghĩ sao?” “Tôi nghĩ rằng không thể hiểu chính trị theo nghĩa hẹp. Nhiệm vụ của Đức Giáo Hoàng là rao giảng Phúc Âm, nhưng trong Phúc Âm có con người. Sự tôn trọng đối với con người, tức là nhân quyền, tự do lương tâm và tất cả những gì thuộc về quyền sống xứng đáng của con người. Nếu tất cả những điều đó có một giá trị chính trị, thì đúng Đức Giáo Hoàng có làm chính trị. Nhưng Ngài luôn đề cập đến con người, Đức Giáo Hoàng bệnh vực con người” (Ezio Mauro e Paolo Mieli, “Giovanni Paolo II”, La Stampa 04.03.91, p.2).



Qua câu trả lời của ĐTC, chúng ta thấy được ngài xác nhận phương thức “làm chính trị phải có” của ngài, cũng như của bất cứ một vị lãnh đạo tôn giáo ở cấp bậc nào, để “luôn luôn đề cập đến con người, bệnh vực con người”.

Dĩ nhiên không phải chỉ có một mình ĐTC, một mình ngài ảnh hưởng tác động phải có, như điều phải có của các vị lãnh đạo tôn giáo, làm cho Cộng sản sụp đổ.

Nhiều nhân vật có kinh nghiệm trong chính trị cho rằng ảnh hưởng của ĐTC Gioan Phaolô II đến việc sụp đổ của Cộng sản chủ nghĩa chỉ là ảnh hưởng nhỏ nhất, một phần nào đó, hay chỉ là ảnh hưởng phiến diện.

Điều đó, chúng tôi xin nhường lại cho các vị hiểu biết về chiến thuật, chiến lược, kinh tế, xã hội, ngoại giao khai triển thêm chi tiết.

Ở đây chúng tôi chỉ muốn nói đến ảnh hưởng của ĐTC Gioan Phaolô II qua động tác không ngừng rao giảng khắp nơi sứ điệp Phúc Âm, tín lý công giáo của ngài, sức mạnh mà không gì có thể thắng được trong trái tim con người.

Sự góp phần của ĐTC Gioan Phaolô II cho sự sụp đổ Cộng sản chủ nghĩa được thể hiện qua các động tác và lời giảng dạy của ngài, cũng như chính vì ngài, một Vị Lãnh Đạo Tối Cao của Giáo Hội Công Giáo lại là người đồng hương với Thánh Stanislaw, với chủ tịch Công Đoàn Lao Động Solidarnosc và với Lech Walesa, cho thấy dầu cục đá có cứng đến đâu đi nữa, sớm muộn gì rồi cũng sẽ bị đâm thủng và cũng cho thấy rằng Giáo Hội Công Giáo không cần dựa trên bao nhiêu sư đoàn để có thể chiến thắng trên sự ác, trên những gì ngược lại bản tính con người.

Và đây là câu nói của ĐTC Gioan Phaolô II không lâu sau khi Cộng sản ở Liên Bang Xô Viết sụp đổ: “Chúng ta có thể nói rằng kinh nghiệm của giai đoạn vừa được kết thúc đã chứng minh ngược lại: tôn giáo và Giáo Hội đã tỏ ra là yếu tố giữa những yếu tố hữu hiệu nhất để giải phóng con người khỏi một hệ thống toàn trị hoàn toàn nô lệ hóa con người” (ĐTC Gioan Phaolô II, Discorso per l’apertura dei lavori dell’Assemblea Speciale per l’Europa dei Sinodi dei Vescovi, 05-06-1990)

Đối với chủ thuyết Mác-xít và phương thức thực hành của người Cộng sản, dĩ nhiên ĐTC Gioan Phaolô II không lên tiếng giảng dạy các chủ thuyết và các kỳ vọng giá trị mà thế giới Tây Âu ngưỡng mộ, trong đó thế tục chủ nghĩa, tự do xả lảng chủ nghĩa (libertà sfenata), tương đối chủ nghĩa, và được phép chủ nghĩa (permissivismo, hay nền luân lý co giãn dây thun) đã tạo nên bóng tối lệch hình cho thế giới Kitô giáo.

Ngoài ra, mặc dầu ghi nhận những sai trái đã làm cho thế giới Cộng sản chao đảo và sụp đổ ngoạn mục, ĐTC cũng đặc tâm lưu ý nói lên những nguy hiểm mà nhà thần học Michele Federico Sciacca gọi là “chủ thuyết tây âu” (occidentalismo) (Michele Federico Sciacca, L’oscuramento dell’intelligenza, Marzorati, Milano 1970, II parte, 91ss), như những gì vừa kể.

ĐTC vẫn tiếp tục giảng dạy theo đường lối tín lý và mục vụ phận vụ giáo hoàng của ngài.

1- Trong buổi nói chuyện với Ngoại Giao Đoàn được Toà Thánh Vatican chấp nhận, ngày 13 tháng giêng năm 1990, ngài đã cảnh tỉnh các viên chức như sau: “Varsavia, Moscou, Budapest, Berlin, Praga, Sofia, và Bucarest, để chỉ đề cập đến các thủ đô, thực sự đã trở thành những chặng đường của cuộc hành hương lâu dài hướng về tự do. Chúng ta cần ngưỡng mộ đối với các dân tộc, mặc cho cái giá phải hy sinh bao la, họ đã can đảm bắt đầu cuộc hành trình này và ngưỡng mộ đối với các nhà chính trị có trách nhiệm đã tạo điều kiện thuận lợi cho (...). Rất tiếc, quá thường xuyên nền dân chủ Tây phương đã không biết dùng tự do đã đạt được trong quá khứ với các giá phải trả thật đau xót. Không thể thiếu cay đắng trách móc trước thái độ khiếm diện hữu ý, không màng gì đến luân lý siêu nhiên trong việc quản trị các xã hội “được gọi là phát triển”. Bên cạnh những phát triển rộng lớn về liên đới hỗ tương, bên cạnh lo âu thiết thực về thăng tiến công lý và một lo âu liên ụy về việc tôn trọng thực hữu các quyền con người, cần phải nhận thức được sự hiện hữu và lan tràn thái độ chống đối các giá trị, như chủ thuyết ích kỷ, tôn thờ tiền bạc như thần tượng, kỳ thị chủng tộc, và chủ thuyết vật chất hóa thiết thực. Ước gì những người mới đến được tự do và dân chủ không bị làm cho thất vọng bởi những ai, một cách nào đó, là những đàn anh “bậc trưởng thượng”.

2- Trong diễn từ của ngài trước Đại Hội Khoáng Đại Thánh Bộ Văn Hóa, ngày 12-01-1990, ĐTC Gioan Phaolô II còn lưu ý: “Một vài bức tường đã sụp đổ. Một vài cửa biên giới đã được mở rộng (...). Một chủ thuyết cứu độ trần thế đã đổ nát và trên thế giới đang nảy sinh ra lòng khao khát một niềm công lý mới (...). Tất cả đều đòi buộc phải có một nền văn minh mới đầy nhân bản, trong thời điểm hiện đại đặc ân mà chúng ta đang sống và niềm hy vọng bao la đó của nhân loại không thể bị lơ đãng bỏ rơi”.

Và ngài còn cảnh tỉnh: “Không thiếu những rủi ro của ảo tưởng và thất vọng. Luân lý thế tục đã có kinh nghiệm về những giới hạn của mình và khám phá ra rằng con người bất lực trước những thí nghiệm khủng khiếp được thực hiện trên con người, bị coi như chỉ là những đồ vật đơn sơ của phòng thí nghiệm. Con người cảm thấy bị hăm dọa tận gốc rễ trước các đường lối chính trị tùy hỷ quyết định trên đời sống mình hay trên lúc nào mình phải chết, trong khi đó thì luật pháp của hệ thống kinh tế ảnh hưởng nặng nề trên đời sống gia đình mình. Khoa học thú nhận mình bất lực để trả lời cho những câu hỏi to lớn về đời sống, về tình yêu, đời sống xã hội, và về cái chết. Và chính những người đặc trách Quốc Gia dường như cũng nghi ngại, không biết phải đi theo con đường nào để xây dựng thế giới hữu nghị và liên đới tất cả mọi người đương thời chúng ta đang lớn tiếng đòi hỏi, trong quốc nội cũng như trên tầm mức địa lục”.

Bởi đó, ngài kết luận: “Chính phận vụ của người nam và người nữ có văn hóa phải suy tư đến tương lai này trong ánh sáng Kitô giáo mà họ đang ước vọng”.

3- Ở Bài giảng trong Thánh Lễ cử hành tại thánh điện Velehrad, Chúa Nhật 22-04-1990, ĐTC chỉ dẫn: “Đêm đã qua đi, ngày mới đã đến. Cuộc hành hương của Anh Chị Em hướng về tự do phải còn được tiếp tục. Anh Chị Em hãy bước đi như là con cái ánh sáng (Eph 5, 8). Nếu chỉ có tự do bên ngoài thôi, không có được cuộc giải thoát bên trong, tự do đó sẽ tạo nên hỗn loạn. Anh Chị em hãy ở lại trong tự do, mà vì tự do đó Chúa Kitô đã giải thoát Anh Chị Em (Gal 5, 1). Sự hiệp nhất giữa tự do bên ngoài và tự do bên trong phải kiến tạo Âu Châu của ngày mai, nền văn minh tình thương và chân lý; và mối hiệp nhất đó được đặt trên Chúa Kitô, viên đá góc tường. Anh Chị Em hãy tiếp tục bước đi hướng về tự do trọn hảo”.

Bởi đó khuôn mẫu để đi theo không phải là khuôn mẫu của dân chủ hiện đại, được đặt nền tảng trên bất khả tri chủ nghĩa (agnosticisme) và trên tương đối chủ nghĩa (relativisme).

Giáo Hội Công Giáo luôn luôn tôn trọng tất cả các hình thức chính quyền, khi các chính quyền đó thực sự là chính quyền với đầy đủ ý nghĩa, nghĩa là khi họ tìm cách tạo được công ích, trong khi trái lại, Giáo Hội chưa bao giờ chấp nhận hình thức dân chủ tân tiến hiện đại (ĐTC Gioan Phaolô II, *Il mio Evoluzione del concetto di democrazia*, in *Quaderni di Cristianità*, anno I, n.3. 1985, pp. 14-33).

Bởi vì nền dân chủ vừa kể không có gì hơn ngoài khuôn viên “tùy theo ý kiến”....

4- Trong Thông Điệp *Centesimus annus*, ĐTC Gioan Phaolô II xác định một cách minh bạch: “Một nền dân chủ đích thực chỉ có thể có được trong một Quốc Gia pháp trị và dựa trên một quan niệm chính đáng về con người (...).

Ngày nay người ta có khuynh hướng xác nhận rằng bất khả tri chủ nghĩa và tương đối chủ nghĩa bị quan là triết lý và thái độ nền tảng đáp ứng lại các thể thức chính trị dân chủ, và có khuynh hướng xác nhận rằng bao nhiêu người xác tín mình biết được chân lý và chặt chẽ gắn chặt vào đó. Đó là những người không đáng tin cậy dưới nhãn quan dân chủ, bởi vì họ chỉ chấp nhận chân lý những gì được đa số đồng thuận chấp nhận hay có thể thay đổi tùy theo các đảng cấp quân bình chính trị khác nhau. Về vấn đề vừa kể, cần lưu ý rằng: nếu không có chân lý nào là chân lý tối thượng để hướng dẫn và định hướng động tác chính trị, thì các ý kiến và các xác tín có thể dễ dàng bị lợi dụng cho mục đích quyền lực. Một nền dân chủ không có các giá trị định chuẩn có thể dễ dàng trở thành thể chế toàn trị công khai hoặc giấu diếm mảnh lối, như lịch sử chứng minh” (CA, n. 46).

(Để tránh cho bài viết quá dài, người viết xin tạm bỏ qua các bài diễn văn mà ĐTC gọi các cộng đồng Kitô hữu Âu Châu về nền tảng căn nguyên của nền văn minh Âu Châu, mà đáng lý Âu Châu phải có, để tiếp tục tư tưởng của ngài trong Thông Điệp *Centesimus annus*, về sự thất bại Cộng Sản Chủ Nghĩa của Liên Bang Xô Viết và Đông Âu).

Đề cập đến những thay đổi mới xảy ra trước đó của Cộng sản Chủ Nghĩa Liên Bang Xô Viết và Đông Âu, ĐTC cho biết không có gì sai sự thật hơn là coi tôn giáo như là yếu tố làm băng hoại con người, như chủ thuyết Mác-xít đã chủ trương và thực hành: “Chúng ta có thể nói rằng kinh nghiệm của khoảng thời gian vừa mới kết thúc, xác quyết sự thật hoàn toàn sai trái: bởi lẽ tôn giáo và Giáo Hội đã tỏ ra là những yếu tố hữu hiệu để giải thoát con người khỏi một hệ thống biến con người hoàn toàn thành nô lệ” (ĐTC Gioan Phaolô II, *Discorso per l’apertura dei lavori dell’Assemblea Speciale per l’Europa del Sinodo dei Vescovi*, 05-06-1990).

Cộng sản đã sụp đổ ở Liên Bang Xô Viết và Đông Âu, ĐTC Gioan Phaolô II không cho đó là cuộc chiến thắng của ngài, cũng không phải trực tiếp do công sức của Giáo Hội, bởi vì ngài nghĩ rằng: Giữa nhiều yếu tố làm cho các chế độ đàn áp bị sụp đổ, “yếu tố chính” đó là do: sự vi phạm các quyền làm việc” và “yếu tố thứ hai” (...) là tính cách bất hiệu năng của hệ thống kinh tế”, nhưng đó không phải chỉ là vấn đề kỹ thuật, đúng hơn đó là hậu quả của việc vi phạm các quyền có sáng kiến của con người, vi phạm đến quyền tư hữu và đến quyền tự do trong lãnh vực kinh tế” (CA, 01.05.1991, n. 24).

Dẫu như vậy, nhưng nguyên nhân đích thực “chính là tình trạng trống rỗng thiêng liêng do vô thần chủ nghĩa tạo nên. Chủ thuyết đó đã làm cho bao thế hệ trẻ thiếu định hướng và trong không ít trường hợp, trong việc con người tìm kiếm, ước vọng không thể nào loại trừ được, đó là tìm tòi chính căn tính của mình và ý nghĩa của cuộc sống, Chủ thuyết vừa kể đã thúc đẩy các thế hệ trẻ khám phá ra các căn cội tôn giáo của văn hóa Quốc Gia họ và tìm ra được chính con người Chúa Kitô, như là câu trả lời nền tảng thoả đáng cho lòng hướng thiện, ước muốn chân lý và đời sống trong tâm hồn của mỗi con người” (CA, n. 24).

Sự kiện là “Trong công cuộc hoán chuyển đó, một sự cộng tác quan trọng, hay đúng hơn là quyết định, Giáo Hội đã dẫn thân cung cấp vào công cuộc đóng góp quan trọng để bênh vực và thăng tiến con người: trong những bối cảnh nặng trĩu ý thức hệ, trong đó trạng thái đứng về một phía làm lu mờ đi ý thức được phẩm giá chung của con người, Giáo Hội đã xác nhận một cách đơn sơ và đầy nghị lực rằng mỗi con người (...) mang nơi mình hình ảnh Thiên Chúa và bởi đó mỗi con người đáng phải được kính trọng. Xác tín đó thường đại đa số dân chúng nhận biết, và đó là điều khiến cho họ cùng tìm ra những hình thức tranh đấu và những giải pháp chính trị tôn trọng hơn phẩm giá con người” (CA, n. 22).

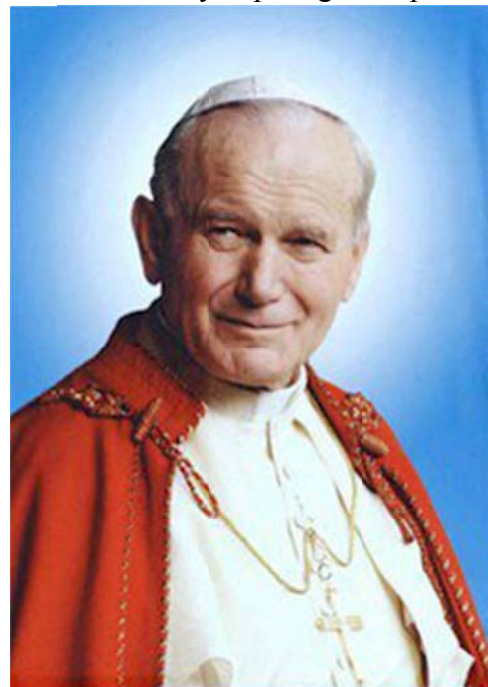
Nguyễn Học Tập

ĐỨC CỔ GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ LÔ ĐỆ II VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

Ngày 01/05/2011, Đức đương kim Giáo Hoàng Bênêđictô XVI sẽ cử hành lễ tuyên phong chân phước Đức cổ Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tại Đền thờ Thánh Phêrô, Vatican, Roma.

Nhân dịp này, tôi có ý cùng toàn thể Giáo Hội ca tụng công đức của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Thêm vào đó, tôi còn có một vài lý do riêng. Ngài với tôi cùng một tuổi. Ngài sinh ngày 18/05/1920, lấy tên là Karol Jozef Wojtyla, tại Ba Lan. Còn tôi, sinh ngày 15/11/1920, tại Việt Nam. Sau khi làm linh mục, ngài với tôi cùng học một trường đại học ở Roma. Đàng khác, ngài và tôi có cùng một tinh thần chống chủ nghĩa Cộng sản.

Với tuổi già và sự hiểu biết lịch sử có hạn, tôi vẫn muốn góp nhặt một vài biến cố về Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong sự sụp đổ của chế độ Cộng sản. Đặc biệt những biến cố đó đã được ghi lại trong cuốn sách “His Holiness John Paul II and the Hidden History of Our Time” của hai nhà báo Carl Bernstein và Marco Polili. Cuốn sách này đã được Nguyễn Bá Long và Trần Quy Thắng dịch, Nhà xuất bản Công An Nhân Dân in tại Hà Nội, 1997, 911 trang.



Cuộc hành trình đầu tiên của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II với tư cách giáo hoàng đến Ba Lan

Ngày 02/06/1979 chiếc máy bay của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã hạ cánh xuống thủ đô Ba Lan. Vào lúc đó, những tiếng chuông từ tất cả các nhà thờ ở Ba Lan đều gióng lên. Giáo sư Henryk Jablonsky Chủ tịch Hội đồng Nhà Nước Ba Lan sốt ruột nhìn, khi chiếc máy bay phản lực trắng toát của hãng hàng không Alitalia bắt đầu hạ cánh xuống sân bay Warszawa. Giờ đây, chiếc máy bay đang hạ cánh xuống Warszawa giống như một thiên thạch và không một ai biết tác động của nó sẽ như thế nào. Người lái chiếc máy bay của ngài, sau khi vào không phận Ba Lan, đã lượn một vòng cho chiếc máy bay bay qua thành phố Krakow. Ngày 01/10/1978, ở tuổi 58, Ngài Karol Wojtyla (tên của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II) đã rời thành phố đó với cương vị hồng y giáo chủ. Ngài nhìn xuống những khung cảnh quen thuộc: “Tôi trở về, tôi trở về để gặp lại Giáo Hội mà từ đó tôi đã ra đi”, ngài đã nói như thế với Thủ tướng Italia G. Andreotti khi rời khỏi Roma. Từ khoang lái, phi công có thể nhìn thấy những dòng người vô tận đang đi tới trung tâm Warszawa và những đám đông tập hợp lại dọc theo con đường mà Đức Giáo Hoàng sẽ đi từ sân bay vào thành phố. “Với tôi, đây là một chuyến trở về nhà”, Đức Giáo Hoàng mỉm cười nói với một nhà báo người Ba Lan. Khi Đức Giáo Hoàng quỳ xuống hôn lên mặt đất tại sân bay và ôm hai bé gái đến chào đón Ngài, với những lẵng cắm chướng trắng và đỏ (những sắc màu của Ba Lan) cùng với những bông huệ trắng và vàng (những sắc màu của Vatican), tiếng vang của những hồi chuông kia đã dội tới các đường biên giới của Đông Đức, vượt qua biên giới Tiệp Khắc, băng qua những rào chắn của Ukraine và Belarus ở Liên Xô và của nước Latvia. Trong những ngày tiếp theo đó, ý nghĩa của những hồi chuông nhắn nài này sẽ trở nên rõ ràng hơn đối với hàng triệu người. Nghi lễ trong những giây phút đầu tiên của chuyến viếng thăm này đã xác nhận rằng trong cả một ngàn năm, Giáo Hội Ba Lan vẫn là hiện thân của dân tộc Ba Lan, bất chấp những cuộc chiến tranh, giết chóc, chia cắt, thanh trừng...

Trên khắp nước Ba Lan, màu cờ đỏ của chủ nghĩa Cộng sản dường như đã biến mất một cách kỳ lạ, và ở đó chỉ còn lá cờ của quốc gia Ba Lan và của Tòa Thánh. Trong chín ngày sau đó, dân chúng Ba Lan và đặc biệt giới trẻ sống trong một tâm trạng phấn khởi, xem như họ mục kích sự xuất hiện của một đấng cứu tinh. Cảm giác này rất choáng ngợp và không thể cưỡng lại được.

Thoạt nhìn thấy ngôi nhà thờ lớn, gương mặt Đức Giáo Hoàng thay đổi và những giọt nước mắt bắt đầu chảy dài trên hai gò má của Ngài. Một số người xung quanh Ngài gào thét lên, thế nhưng nhiều người khác không reo hò mà chỉ đăm nhìn Ngài và cũng giống như Ngài, khóc để những tình cảm dục dục. Thánh lễ của Đức Giáo Hoàng được cử hành ở trung tâm Quảng Trường Chiến Thắng, nơi có tượng đài chiến sĩ vô danh của Ba Lan, thường chỉ có đảng Cộng sản sử dụng quảng trường này cho các cuộc duyệt binh, mít tinh quần chúng. Khi Đức Giáo Hoàng đến quảng trường vào lúc 4 giờ chiều hôm đó, ba trăm ngàn người đang chờ đợi và hàng chục ngàn người khác không được cho vào đã tập trung quanh khu vực trung tâm thành phố.

Trong thánh lễ, Đức Giáo Hoàng đưa ra một tuyên ngôn mà các nhà lãnh đạo đảng Cộng sản Warszawa lo sợ nhất: “Đối với Ba Lan, Giáo Hội đã đưa Chúa Giêsu tới, chiếc chìa khóa để hiểu được thực tiễn vĩ đại và cơ bản là con người.... Không thể loại Chúa Giêsu khỏi lịch sử nhân loại ở bất kỳ nơi đâu trên trái đất này, tại bất kỳ kinh tuyến hay vĩ tuyến nào của hành tinh. Loại trừ Chúa Giêsu khỏi lịch sử nhân loại là một tội ác chống lại loài người”. Với những lời đó, Đức Giáo Hoàng đã bãi bỏ toàn bộ chính sách phương đông Ostpolitik mà Vatican đã thúc đẩy suốt hai mươi năm trước đó. Các Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII và Phaolô VI đã theo chính sách đó để giảm bớt căng thẳng giữa Giáo Hội và các chế độ Cộng sản, để làm bớt đi khả năng diễn ra các cuộc thanh trừng mới, để có thêm nhà thờ được xây lên, thêm linh mục, giám mục được bổ nhiệm, nói tắt là để đưa đến cùng tồn tại hòa bình, nhưng mất đi tiếng nói ngôn sứ của Giáo Hội. Điều đang diễn ra giờ đây ở Quảng trường Chiến Thắng của Warszawa là một bước đột phá lớn đối với Giáo Hội ở Ba Lan, Đông Âu, Liên Xô và trong các vấn đề quốc tế. Qua Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Giáo Hội đang tuyên bố một vai trò mới và qua Ngài, Giáo Hội đang đòi phải tôn trọng nhân quyền cũng như giá trị của Kitô giáo. Những đòi hỏi này thể hiện một cuộc tấn công trực diện vào những kỳ vọng phổ biến của Cộng sản, cái mà giờ đây đã trở thành một cái vỏ rỗng tuếch tại các nước nằm dưới ảnh hưởng của Xô Viết.

Chuyến đi đầu tiên của Đức Giáo Hoàng tới Ba Lan là một biểu hiện công khai ngoạn mục về quyền lực tiềm tàng của Ngài.

Đức Giáo Hoàng và đảng Cộng sản Ba Lan

Ngày đầu tiên trở về Ba Lan trong hào quang chiến thắng, ngày 02/06/1979, Đức Giáo Hoàng đã làm cho nhà cầm quyền Cộng sản Ba Lan và Liên Xô run sợ. Ngay những lời đầu tiên của Đức Giáo Hoàng trong cuộc nói chuyện với Bí thư thứ nhất Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan, Edward Gierek, đã gây náo động. Đức Giáo Hoàng đã phát biểu công khai hy vọng của Ngài về một bản thỏa thuận giữa Giáo Hội và chính quyền, điều mà ông Edward Gierek không hề muốn. Đức Giáo Hoàng cũng đưa ra danh mục một loạt các điều kiện được đặt ra để thuyết phục nhà cầm quyền cộng sản tin rằng họ sẽ phải tồn tại một cách hòa bình với Giáo Hội.

Khi ông Edward Gierek nói về sự hòa dịu trong quan hệ quốc tế, Đức Giáo Hoàng đáp lại: “Hòa bình và việc thiết lập lại các mối quan hệ phải được đặt trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc, trong đó có quyền xây dựng và tạo lập nền văn hóa, văn minh riêng của họ”.

Khi ông Edward Gierek nói về những cam kết an ninh và vị trí của Ba Lan trong cộng đồng quốc tế, ông muốn đề cập đến liên minh trong khối COMECON và hiệp ước Warszawa (cả hai khối này đều hoàn

toàn bị chi phối và điều hành bởi Liên Xô), Đức Giáo Hoàng nói: “Tất cả các loại hình nô dịch về chính trị, kinh tế, văn hóa đều đi ngược lại với sự đòi hỏi của luật lệ quốc tế. Những hiệp ước đảm bảo là những hiệp ước dựa trên cơ sở sự tôn trọng lẫn nhau và công nhận lợi ích của mỗi dân tộc”. Sự thẳng thắn và dũng cảm của Ngài đã bất ngờ thuyết phục được nhà lãnh đạo Cộng sản, ông Gierek tỏ ý sẵn sàng ký một giải pháp cơ bản về các hoạt động của Giáo Hội trong xã hội Ba Lan, Đức Giáo Hoàng muốn chính quyền Ba Lan công nhận rằng: Giáo Hội phục vụ con người trong khía cạnh cuộc sống trần thế của họ, và đó là các hoạt động chính trị và xã hội của họ.

Tất cả những điều Đức Giáo Hoàng nêu lên, đã làm cho đảng cầm quyền ở Ba Lan và Liên Xô sợ. Bằng những bài phát biểu mạnh mẽ, Ngài thách thức thế giới quan, tư tưởng của chế độ Cộng sản, đặt vấn đề về vai trò của nhà nước, về mối liên minh giữa Ba Lan và Liên Xô, kể cả về những sự phân chia bản đồ địa lý – chính trị ở Châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ II. Tướng Jaruzelski, người đang theo dõi các hoạt động của Đức Giáo Hoàng từ trung tâm chỉ huy ở Bộ Quốc Phòng, có thể thấy các đồng chí của ông trong Bộ Chính Trị Balan đã cực kỳ bối rối, thậm chí sợ hãi. Đối phó và phản ứng lại Đức Giáo Hoàng, đó là vấn đề nan giải đối với Kremlin. Nghiêm trọng là nhiều đoạn trong bài diễn văn của Đức Giáo Hoàng, theo họ, đã vượt quá khuôn khổ hoạt động tôn giáo một cách nguy hiểm. Bí thư thứ nhất của Đảng Cộng sản Ba Lan, Gierek và Thủ tướng Piotr Jaroszewicz đã bày tỏ sự quan tâm của họ về cái gọi là “sự lật đổ”.

Mikhail Gorbachev yết kiến Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ngày 11/12/1989

Đế chế Cộng sản rung động

Mùa hè 1980, những cuộc đình công đã gây chấn động ở Ba Lan. Đây không hoàn toàn là những cuộc đình công, mà còn là những cuộc nổi loạn chính trị, như Brezhnev nhận xét, chính xác là “cuộc phản cách mạng”.

Phong trào này, giống như tất cả các cuộc cách mạng xã hội mang tính lịch sử, đã tập hợp được một nhóm lực lượng chính trị ghê gớm – những người lao động, giới trí thức, và Giáo Hội – mà trước đây họ không hề thống nhất với nhau được một cách dứt khoát, rõ ràng đến như vậy. Một ủy ban bảo vệ công nhân đã được thiết lập, viết tắt là KOR, do những nhà trí thức thành lập, nhằm giúp đỡ những công nhân bị bắt giữ hoặc bị xử bắn sau lần bạo động nổ ra năm 1976.

Câu lạc bộ những nhà trí thức theo Kitô Giáo, các Giám Mục, có sự hậu thuẫn của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, bây giờ đang tiến hành thử nghiệm truyền đạo qua Tin Mừng về nhân quyền. Phong trào công đoàn độc lập bắt đầu hình thành trong các thành phố chính, trong suốt năm 1978 – Công Đoàn Tự Do được hình thành.

Lech Walesa đứng ra tổ chức cuộc đình công ở xưởng đóng tàu Lênin. Walesa đưa ra một bản yêu cầu gồm 16 điểm, quan trọng nhất trong đó là sự công nhận của Chính Phủ về các công đoàn tự do. Mặc dầu cuộc đình công lúc đầu bị giới công nhân dự định hủy bỏ vì nhà nước đã tăng lương, nhưng rồi với sự thuyết phục của Walesa, cuộc đình công vẫn tiếp tục tái diễn, với sự tham gia rất đông công nhân. Walesa đưa ra một bản yêu cầu mới với 21 điểm cơ bản. Nội dung của cuộc đình công và đòi hỏi mới có tính táo bạo của công nhân đã lan nhanh trên khắp vùng biển Baltic. Ngày làm việc đã bị đình lại trong hơn 180 xí nghiệp. Những người tham gia đình công đã tỏ bày những bất bình của họ đối với chế độ bằng cách hát thánh ca và các bài hát yêu nước, và phát cờ tổ quốc trong những nhà máy đang đình công. Người ta báo cho Đức Giáo Hoàng: “Những hạt giống được Đức Thánh Cha gieo vãi đang nở hoa”.

Vụ ám sát Đức Giáo Hoàng



Ngày 13/05/1981, Đức Giáo Hoàng bị ám sát bởi Mehmet Ali Agca. Vụ ám sát này được giám đốc CIA, Robert Gates coi như âm mưu của Cộng sản Liên Xô. Agca được bảo vệ và bao che bởi cơ quan tình báo Bungari, một tổ chức lệ thuộc vào cơ quan KGB của Liên Xô. Và đó cũng là nhận định của Andreotti, người lãnh đạo đầy quyền lực của Đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo Italia.

Những người Cộng sản Liên Xô muốn giết hại Đức Giáo Hoàng, vì cái chết của Ngài dường như là cách duy nhất nhằm bóp chết Công đoàn Đoàn kết. Hồng Y Achille Silvestrini, Thứ trưởng Bộ Ngoại Giao của Toà Thánh cũng xác nhận: “Nếu âm mưu ám sát

Đức Giáo Hoàng thành công, thì đó sẽ là tấm bia mộ cho Balan, và cho những người đang đối đầu với sự kiểm soát của hệ thống Xô Viết”.

Đáp lại sự lên án của phương Tây, Liên Xô cho rằng cùng với một số âm mưu khác, Mỹ đã đứng đằng sau âm mưu ám sát Đức Giáo Hoàng.

Đức Giáo Hoàng tin rằng: số phận của Ngài được bảo vệ nhờ phép lạ của Đức Mẹ Fatima.... “Một người nổ súng nhưng một người khác lại hướng dẫn quỹ đạo viên đạn”. Ngài đã gởi đến Liên Xô một tín hiệu “tha thứ”.



Cuộc đấu tranh không khoan nhượng

Ngày 18/08, trong một bài nói chuyện được phát trên truyền hình, Gierek đã hứa cải tổ và đưa ra sự đe dọa: “Vận mạng của đất nước gắn liền với hệ thống xã hội chủ nghĩa..., những nhóm người vô chính phủ, chống lại chủ nghĩa xã hội đang cố gắng khai thác triệt để tình hình, nhưng chúng ta sẽ không dung thứ bất kỳ một yêu sách hay hoạt động nào nhằm mục đích phá hủy trật tự xã hội ở Ba Lan”.

Các đơn vị quân đội và hàng loạt xe cảnh sát đã bắt đầu tràn về phía bờ biển Baltic. Nhưng số lượng người tham gia đình công đã tăng vọt, lên đến khoảng 300,000 người. Các cuộc đình công đã lan tràn khắp nơi. Cương lĩnh mà Walesa đã chuyển tới tay công nhân là hoàn toàn nghi ngờ toàn bộ hệ thống chế độ Cộng sản. Lời kêu gọi đối với các công đoàn độc lập đã gạt bỏ những lý lẽ cho rằng chỉ có đảng Cộng sản là một đại diện duy nhất mang tính lịch sử cho tầng lớp lao động. Sự đòi hỏi hủy bỏ các cơ quan kiểm duyệt báo chí, thông tin, và đòi quyền sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng cho các công đoàn tự do và Giáo Hội, đã phủ nhận quyền sử dụng của đảng Cộng sản về công cụ đầy hiệu quả này để duy trì sự độc tôn về quyền lực.

Ngày 20/08, khi phong trào đình công bị đe dọa, dẫn đến tình trạng tê liệt mọi hoạt động có màu sắc chính trị lâu dài, Đức Giáo Hoàng nói với một nhóm người Ba Lan hiện diện tại Quảng trường Thánh Phêrô ở Rôma: “Chúa ban cho chúng con, qua sự can thiệp giúp đỡ của Đức Mẹ, biết rằng tôn giáo có thể luôn luôn được hưởng tự do và rằng tổ quốc chúng ta có thể được hưởng sự an ninh. Lạy Chúa, xin giúp đỡ những con người này và luôn luôn che chở họ khỏi mọi hiểm nguy, cám dỗ và điều ác”. Sau đó Đức Giáo Hoàng nói thêm: “Lời cầu nguyện trên đây cho thấy rằng tất cả chúng ta ở Rôma đều thống nhất với những người yêu nước ở Balan, với Giáo Hội ở Balan, mà những vấn đề của họ có liên quan mật thiết với trái tim của chúng ta”.

Ngày 23/08 một cuộc tranh chấp kịch liệt nổ ra trong Đảng Cộng sản Ba Lan, giữa phe cứng rắn muốn áp đặt thiết quân luật và nhóm người tán thành sự thỏa hiệp và tránh sử dụng quân đội. Cùng hôm đó, Đức Giáo Hoàng đưa ra một mệnh lệnh chính trị rõ ràng: “Tôi cầu mong với tất cả lòng nhiệt thành rằng: các Giám Mục của Ba Lan, thậm chí ngay bây giờ, có thể giúp đỡ đất nước trong cuộc đấu tranh đầy khó khăn, để dành lấy bánh hằng ngày, dành lấy công bằng xã hội, sự bảo đảm quyền bất khả xâm phạm cho sự sống và sự phát triển của Ba Lan”.

Vào đêm đó, chính phủ đã thực hiện một sự nhượng bộ có tính lịch sử, chấp nhận đàm phán với các ủy ban đình công của 3 thành phố. Ngay từ đầu, cuộc đàm phán đã trở thành một cuộc chất vấn đầy kịch tính, kéo dài một tuần. Một nhóm cố vấn đã xuất hiện ngay bên cạnh Walesa. Nhóm này gồm các trí thức, giáo sư, và viện sĩ Viện Hàn Lâm Khoa Học Ba Lan. Hai trong số những người này có quan hệ mật thiết với Đức Giáo Hoàng. Với sự xuất hiện nhóm này, sự lãnh đạo chiến lược của phong trào (Công Đoàn Đoàn Kết) được chuyển giao hầu hết cho Giáo Hội.

Lập trường kiên định của Đức Giáo Hoàng sẽ quyết định cuộc khủng hoảng ở Ba Lan. Ngày 27/08, với sự chỉ đạo của Đức Giáo Hoàng, các Giám Mục Ba Lan đã thông qua một tài liệu và tuyên bố một cách dứt khoát quyền độc lập của các tổ chức đại diện cho công nhân và của các tổ chức tự quản. Ý chí của Đức Giáo Hoàng đã trở thành ý chí của cả dân tộc. Giờ đây, chính phủ không còn gì nhiều để lựa chọn, ngoài việc phải chấp nhận. Lech Walesa biết rằng ông đã được Đức Giáo Hoàng ủng hộ.

Ngày 05/09, Edward Gierek mất chức Bí thư của Đảng Cộng sản Ba Lan. Liên Xô chuyển cho Đức Giáo Hoàng một thông điệp yêu cầu Đức Giáo Hoàng kiểm chế Công đoàn Đoàn kết trong việc đưa ra các yêu sách và những vấn đề dễ gây căng thẳng. Đảng khác, qua thông điệp này, họ thông báo rằng, họ sẽ dùng quân đội để can thiệp, nếu Công Đoàn Đoàn Kết đe dọa những lợi ích sống còn của Liên Xô. Đức Giáo Hoàng cố gắng tìm kiếm một sự cân bằng khó khăn và mong manh. Đó là ủng hộ Công Đoàn Đoàn Kết, giữ cho Liên Xô không can thiệp, tránh không đi quá xa trong các yêu sách và tránh khiêu khích chính quyền.

Vào mùa thu năm 1980, những người Cộng sản ở Berlin (Đức), Budapest (Hungari), Praha (Tiệp Khắc) thực sự hoảng sợ bởi những gì đang xảy ra ở Ba Lan.

Lech Walesa đến Rôma yết kiến Đức Giáo Hoàng. Ngài đã tổ chức một thánh lễ riêng cho 14 thành viên của đoàn đại biểu của Công Đoàn Đoàn Kết. Đức Giáo Hoàng cũng tiếp Lech Walesa 2 lần. Ngài nói với phái đoàn: “Tôi tin rằng điều cơ bản trong những hành động mạo hiểm của các bạn bắt đầu từ tháng 08/1980 ở miền duyên hải và ở những trung tâm công nghiệp lớn khác của Ba Lan, là một xung lực chung nhằm thúc đẩy những việc đạo đức tốt đẹp cho xã hội.”

Đức Giáo Hoàng đã viết thư cho Brezhnev đòi Liên Xô phải tôn trọng chủ quyền của Ba Lan và quyền lợi hợp pháp của Ba Lan.

Ở Ba Lan, Jaruzelski thì sợ rằng khi Công Đoàn Đoàn Kết thực sự nắm quyền, ông có thể bị cầm tù hoặc tử hình. Hơn thế nữa, điều quan trọng là vì ông là một người Cộng sản trung thành, đã cam kết phấn đấu cho chủ nghĩa Cộng sản và cho một nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Ba Lan. Ông biết rằng sự thành công của Công Đoàn Đoàn Kết là sự kết thúc của chủ nghĩa Cộng sản ở Ba Lan. Hơn thế nữa, nó sẽ kéo theo những hậu quả ghê gớm về lâu về dài đối với hệ thống Cộng sản toàn thế giới.

Giữa đêm thứ bảy, ngày 13/12/1981, Jaruzelski ban bố lệnh thiết quân luật. Hơn 10,000 người liền bị bắt. Đến nửa đêm, xe tăng và binh lính đã di chuyển vào các đường phố trên khắp đất nước.

Những phản ứng ban đầu của Đức Giáo Hoàng là cầu nguyện cho việc chỉ đường vạch lối cho người Ba Lan. Điều e ngại lớn nhất của Đức Giáo Hoàng là người Ba Lan sẽ quay lại chống người Ba Lan, và rằng sẽ có một cuộc tắm máu. Nếu dân chúng Ba Lan đổ xô ra đường phố, điều đó sẽ tạo cho người Xô Viết cái cớ để can thiệp vào Ba Lan và gây ra đổ máu nhiều hơn. Sự áp bức là không thể thay đổi được. Đức Giáo Hoàng tuyên bố: “Có quá nhiều máu của người Ba Lan đã đổ xuống, nhất là trong cuộc chiến tranh cuối cùng. Không thể để cho máu của người Ba Lan phải đổ thêm nữa. Mọi việc phải được làm để xây dựng một tương lai hòa bình”. Sau đó, Ngài đã giao phó người Balan cho Đức Mẹ, “Người được phái tới để bảo vệ chúng ta”.

Đức Giáo Hoàng đã giao cho ông Jaruzelski một lá thư. Ngài nói: “Những sự kiện gần đây ở Ba Lan, kể từ khi tuyên bố thiết quân luật ngày 13/12, đã dẫn đến kết quả là nhiều người bị giết và bị thương. Và tôi buộc phải gửi đến ngài lời thỉnh cầu khẩn thiết và chân thành này, cầu mong chấm dứt việc đổ máu ở Ba Lan”.

Trong cuộc gặp Jaruzelski, Đức Giáo Hoàng khẳng định quyền độc lập của Ba Lan, và nêu lên vấn đề thiết quân luật. Ngài nói: “Đối với tôi, việc giải tán các công đoàn đấu đón hơn nhiều so với việc ban bố thiết quân luật hồi tháng 12/1986.... Tôi quan tâm đến việc đạt tới một tình trạng bình thường càng sớm càng tốt”. Ý ngài muốn nói đến tình trạng thiết quân luật.

Sau 18 tháng thi hành thiết quân luật, Công Đoàn Đoàn Kết không còn là một tổ chức lớn mạnh của công nhân, vai trò lãnh đạo bị xóa bỏ và hàng loạt các trụ sở bị đóng cửa. Nhưng qua chuyến thăm Ba Lan của Đức Giáo Hoàng, Công Đoàn Đoàn Kết đã trở thành một tư tưởng, một lương tri, một chân giá trị. Nó là một sự thách thức đối với nhà nước Ba Lan.

Bốn năm ba tháng sau khi ban bố thiết quân luật ở Ba Lan, Mikhail Gorbachev được bầu làm Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Liên Xô. Mùa xuân năm đó, Đức Giáo Hoàng được biết Gorbachev có thể sẽ là một dạng Cộng sản kiểu khác. Trở thành Tổng Bí Thư được vài tuần, Gorbachev muốn biết trực tiếp càng nhiều càng tốt. Mikhail Gorbachev là người chủ trương Perestroika (cải tổ) nên rất cởi mở, làm cho Tướng Jaruzelski cảm thấy có người thương cảm với mình, mà đó lại là Tổng bí thư Cộng sản Liên Xô, đảm bảo rộng rãi các quyền về tôn giáo cho các công dân Cộng sản. Jaruzelski đề nghị với Gorbachev nhìn nhận Vatican như là một thế lực đáng tin cậy. Ông nói: “Tôi cho rằng Giáo Hội là một sức mạnh khổng lồ ở Balan, nghiêng về phía đối lập, nhưng nó vẫn có một vị trí khá lành mạnh”. Ông cũng nói: “Đức Giáo Hoàng có một nhân cách tuyệt vời, một nhà nhân văn vĩ đại, một nhà yêu nước vĩ đại. Ngài không chỉ là một lãnh tụ một tôn giáo vĩ đại, một Giáo Hội vĩ đại, mà còn là một người con của một quốc gia có số phận đặc biệt khó khăn”.

Sự xuất hiện của Gorbachev đem đến sự thay đổi nhanh chóng đối với quan hệ “Giáo Hội – Nhà Nước” ở Ba Lan và tạo ra một bầu không khí an toàn để Jaruzelski bắt đầu nới lỏng các hạn chế gắn liền với thiết quân luật. Đức Giáo Hoàng phân khởi và hy vọng vào những đổi thay mà Gorbachev đang khởi xướng. Ngài nói: “Ông ta là một người tốt nhưng ông sẽ thất bại bởi vì muốn làm một điều không bao giờ có thể làm được. Chủ nghĩa Cộng sản không bao giờ có thể cải cách được”. Ngài còn nói thêm: “Perestroika là một dòng thác mà chúng ta đã tháo cho chảy và nó sẽ tiếp tục chảy. Perestroika là sự tiếp tục của Đoàn kết. Không có Đoàn kết sẽ không có Perestroika”. Dòng thác này tuôn chảy sang Tiệp Khắc. Nhân dịp Đức Giáo Hoàng phong chúa Bohemia của Tiệp Khắc lên bậc hiển thánh, Đức Hồng Y Tomasek đã có một tuyên bố nảy lửa trước 200 ngàn người biểu tình tại Praha ngày 21/01/1989. Sau khi đề cao công chúa Anê miền Bohemia của Tiệp Khắc, ngài nói tiếp: “Về phần tôi, tôi không thể nào tỏ ra xa lạ với định mệnh quốc gia chúng tôi và toàn thể đồng bào đất nước tôi. Tôi không thể yên lặng trong lúc tất cả anh chị em đang hợp lực với nhau để phản đối những bất công mà anh chị em phải chịu từ 40 năm nay; người ta không thể duy trì lòng tin nhiệm đối với giới lãnh đạo quốc gia không muốn nói sự thật và chôn bỏ các quyền lợi và các quyền tự do của nhân dân với truyền thông có từ hàng ngàn năm

nay, những quyền này vẫn được coi là những quyền bình thường trong những quốc gia trẻ trung hơn đất nước chúng ta”. Sau khi kể những đau khổ người dân phải chịu trong 40 năm, ngài kết luận: “Tôi muốn ngõ lời với tất cả anh chị em trong giờ phút quyết liệt này của lịch sử chúng ta. Không ai trong anh chị em được đứng ngoài lề. Hãy lên tiếng hợp với tất cả công dân Tiệp Khắc, cùng với những người thuộc sắc tộc khác, dẫu họ là tín hữu hay không có tín ngưỡng. Quyền tự do tín ngưỡng không thể tách khỏi những quyền dân chủ khác, tự do là điều không thể phân chia được. Tôi xin chấm dứt nơi đây với những lời đã từng vang dội đã lâu trong lịch sử của chúng ta: ‘Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, số phận của chúng ta ở trong tay chúng ta’”.

Mặc dầu các lãnh tụ Cộng sản ở Đông Âu như Gustav Husak (Tiệp), Erich Honecker (Đông Đức), Nicolas Ceausescu (Rumani), Janos Kadar (Hungari) chống chủ chương dân chủ hóa của Mikhail Gorbachev, cuộc dân chủ hóa vẫn được tiếp tục. Các lãnh tụ Cộng sản Đông Âu sợ rằng kiểu đa nguyên sẽ kết liễu chủ nghĩa Cộng sản.

Đế chế Cộng sản đã gãy chết

Ngày 08/06/1987, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II lại thực hiện một cuộc trở về Ba Lan lần thứ 3 hết sức thành công để phục hồi Công Đoàn Đoàn Kết. Đức Giáo Hoàng nhận thấy rằng sự kết thúc của chế độ Cộng sản đang đến gần.

Ngày 06/02/1989, trên đất nước Ba Lan nổ ra các cuộc biểu tình phản đối việc tăng giá cả; đại diện của chính phủ và các phe đối lập đã ngồi lại với nhau thương thuyết bàn tròn về tương lai của Ba Lan. Sự kết thúc của một kỷ nguyên đã tới. Hiệp định cốt lõi đạt được. Các cuộc đàm phán bàn tròn đã cho phép tiến hành các cuộc bầu cử tự do vào tháng 6 cho các ghế của một bộ máy được gọi là Thượng Viện. Đồng thời, tính hợp pháp đầy đủ của Công Đoàn Đoàn Kết cũng được công nhận. Khi các cuộc bầu cử được tiến hành ngày 04/06 thì Công Đoàn Đoàn Kết đã giành thắng lợi hoàn toàn và chính thức lên nắm quyền lực.

Sự sụp đổ của Ba Lan đã gây ảnh hưởng làm lung lay khối Đông Âu trong những ngày cuối mùa đông, cho đến khi không còn khối nào tồn tại. Quân cờ domino Cộng sản đang bị đảo lộn: Hungari, Đông Đức, Bulgaria, Rumani. Và tiếp đó là Liên Xô. Mikhail Gorbachev tuyên bố: “Tôn giáo đã giúp cho cái tổ. Chúng ta đã từ bỏ đòi hỏi có sự độc quyền về chân lý.... Ngay lập tức chúng ta sẽ không cho rằng những ai không đồng tình với chúng ta là kẻ thù”. Điều này thực sự là “một trật tự thế giới mới”.

Ngày 01/02/1989, Mikhail Gorbachev, Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Liên Xô yết kiến Đức Giáo Hoàng tại Vatican lần đầu tiên. Trong hơn 60 năm qua, Giáo Hội Công Giáo và điện Kremlin đã đấu tranh với nhau dữ dội.

Thế là chế độ Cộng sản đã sụp đổ tại Đông Âu và Liên xô. Cuộc gặp đầu tiên giữa Tổng Bí Thư Liên Xô và Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II tại Vatican đã hình tượng hóa phong phú cho một kỷ nguyên cuối.

Vào lúc rạng sáng ngày 19/08/1991, trong một cuộc đảo chính, các thành viên bảo thủ trong Bộ Chính Trị Liên Xô đã nắm lấy quyền lực tại Matxcova, giam lỏng Mikhail Gorbachev trong ngôi nhà nghỉ của ông ở Crimê. Boris Yeltsin, Tổng thống Cộng hòa Liên bang Nga chống lại cuộc đảo chính và biến tòa nhà quốc hội Nga thành đại bản doanh của Sở chỉ huy lực lượng chống đối. Sự chống đối của ông đã nhanh chóng thúc giục các nước phương Tây ủng hộ ông. Ngày 23/08, đúng cái ngày các lãnh tụ của cuộc đảo chính đầu hàng, Đức Giáo Hoàng đã gửi một bức điện cho Mikhail Gorbachev: “Tôi xin cảm ơn Chúa, vì sự kết thúc có hậu quả của cuộc thử thách đầy kịch tính kéo theo nhân dân, gia đình, và cả đất nước của ngài. Tôi xin bày tỏ niềm mong ước của tôi rằng ngài có thể tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của

mình vì công cuộc đổi mới cả về vật chất và tinh thần cho các dân tộc Liên Xô, những người mà tôi thường cầu nguyện cho họ”. Thắng lợi của lực lượng chống đối của Yeltsin đã trở thành biểu tượng cho ý chí của nhân dân nhằm xóa bỏ chế độ Cộng sản một lần và mãi mãi.

Về cuộc sụp đổ đế quốc Cộng sản, Đức Giáo Hoàng nói: “Có thể là đơn giản khi nói rằng Đấng Tối Cao đã gây ra sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa Cộng sản tự nó sụp đổ, vì hậu quả của những lỗi lầm và sự đối xử tồi tệ của riêng nó. Chủ nghĩa Cộng sản tự nó sụp đổ vì sự yếu kém cố hữu của nó”.

Lm. Chân Tín
Sài Gòn, ngày 25/04/2011

VAI TRÒ CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG JOHN PAUL II TRONG SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Theo Thông Luận

Tác giả Anne Applebaum

Phạm Minh Ngọc dịch

Nếu trong tuần vừa qua bạn có xem TV hay đọc báo thì bạn không thể không biết rằng Giáo hoàng John Paul II vừa tạ thế đã “giúp đánh thắng chủ nghĩa Cộng sản”. Người ta nói rằng Giáo hoàng là người “khởi xướng” sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản, buộc chủ nghĩa Cộng sản phải “cúi đầu”, hay đã “đấu tranh cho sự tan rã của chủ nghĩa Cộng sản”. Một số người dành cho ngài vai trò khiêm tốn hơn, như nhan đề một bài báo: “Giáo hoàng và Reagan hợp tác trong việc ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản”. Một số khác lại trình bày sự kiện dường như Giáo hoàng John Paul II đã đứng trên chiến lũy và mô tả ngài như người đã giúp “lật đổ chủ nghĩa Cộng sản”.

Đại đa số những điều mô tả vai trò của Giáo hoàng trong việc chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ đều mù mờ và là kết quả của sự thiếu hiểu biết. Một người quen của tôi còn được một phóng viên gọi điện thoại để nói chuyện về việc Giáo hoàng đã bí mật đàm phán về việc lật đổ chủ nghĩa Cộng sản với lãnh tụ Liên Xô là Mikhail Gorbachev. Trong thực tế vai trò của Giáo hoàng trong việc lật đổ chế độ Cộng sản mang ít tính âm mưu hơn thế, nhưng không vì thế mà ít giá trị hơn và chính vì thế lại càng đáng trân trọng. Vậy ngài đã làm những gì?

Giáo hoàng đã có hai đóng góp trong việc đập tan chế độ toàn trị Cộng sản, một hệ thống tuyên bố nắm toàn bộ hay gần như toàn bộ tài sản vật chất, từ nhà máy, xí nghiệp, trang trại cho đến nhà ở và độc quyền trong lĩnh vực đời sống tinh thần. Nói một cách khác, không ai được làm ăn riêng, không ai được có niềm tin vào triết lý nào khác ngoài triết lý mác-xít. Nhà thờ, ban đầu là ở Ba Lan rồi sau lan dần ra các nước khác, đã phá được hai độc quyền này bằng cách cung cấp cho dân chúng những chỗ an toàn để họ gặp gỡ, và về mặt tinh thần cung cấp cho họ một thế giới quan “thay thế”.

Chuyện đó xảy ra như thế nào? Khi còn sống ở Ba Lan trong những năm 1980 người ta đã bảo tôi rằng, nếu tôi muốn biết các sự kiện thì hãy đến một nhà thờ nào đó ở Warszawa và nhận ở đó một tờ báo xuất bản bí mật hàng tuần. Tương tự, nếu tôi muốn xem triển lãm tranh không phải do các họa sĩ của chế độ vẽ và không được các nhân viên kiểm duyệt cho phép thì tôi nên vào xem các buổi triển lãm hay các buổi trình diễn trong các tầng hầm bên dưới nhà thờ. Các tu sĩ không xuất bản báo, không vẽ, không tham gia trình diễn, những sản phẩm đó cũng không bắt buộc phải có màu sắc tôn giáo; họ chỉ cung cấp tài nguyên và địa điểm cho những người tham gia làm việc đó. Khi giúp đỡ cho việc thành lập cái mà hôm nay được gọi là “xã hội dân sự”, các vị tu sĩ đó đã theo gương Giáo hoàng; khi còn trẻ, trong vùng bị phát xít Đức chiếm đóng, ngài đã bí mật tu học và cũng bí mật thành lập một nhà hát dành cho dân chúng.

Dù nghe có vẻ kỳ quặc, nhưng “những quan điểm thay thế” của nhà thờ Ba Lan không phải là hiện tượng hoàn toàn tôn giáo. Chủ nghĩa Marx, như đã thịnh hành ở Trung Âu, chính là sự tôn sùng tiến bộ. “Chúng tôi phá bỏ quá khứ để tạo dựng tương lai”, các lãnh tụ Cộng sản từng giải thích. “Chúng tôi phá bỏ ngôi nhà, đập tan truyền thống, và chúng tôi tập thể hoá đất đai để xây dựng một xã hội mới, tạo ra những công dân mới”. Nhưng khi Giáo hoàng quay lại Ba Lan, ngài không chỉ nói về Chúa mà còn về lịch sử. Trong chuyến đi đó, ngài đã tham dự ngày giỗ thứ một ngàn của thánh Adalbert, tham gia lễ kỷ niệm sáu trăm năm ngày thành lập trường tổng hợp lâu đời nhất của Ba Lan và bốn mươi năm ngày Warszawa khởi nghĩa. Một lần tôi được nghe ngài nói về cuộc đời của nữ tu sĩ thế kỷ XIII tên là Kinga

(Sister Kinga). Bài nói này được chuẩn bị khá kỹ. “Trung thành với cội nguồn không có nghĩa là bất chức mù quáng quá khứ”, ngài đã nói như vậy trong một lần ở Ba Lan. “Trung thành với cội nguồn luôn luôn là sáng tạo, sẵn sàng đi vào chiều sâu, sẵn sàng cởi mở cho những thách thức mới”.

Giáo hoàng John Paul II thể hiện niềm tin của mình theo một cách đặc biệt: giữa đám đông, công khai với nhiều dẫn chứng lịch sử và văn hoá đã tạo ra những ảnh hưởng bùng nổ trong những nước mà chế độ có ý định kiểm soát cả văn hoá, cả lịch sử, và mọi lĩnh vực khác nữa.

Cuối cùng, Giáo hoàng đã để lại dấu ấn nhờ khả năng đặc biệt của mình, đây là sự sùng kính, cũng như niềm tin của mọi người, ngài đã đưa được dân chúng ra đường phố. Như Natan Sharansky và những người khác đã viết, chế độ Cộng sản đạt được thành tựu cao nhất của mình khi còn có khả năng chia rẽ dân chúng, tách họ ra và buộc họ phải sợ. Nhưng khi Giáo hoàng quay lại Ba Lan vào năm 1979 thì không phải chỉ có vài chục bà già chào đón ngài, như nhà cầm quyền nghĩ, mà là hàng triệu người đủ các lứa tuổi. Chồng tôi, lúc đó mới 16 tuổi, nhớ lại rằng anh từng trèo lên cây bên ngoài sân bay gần Gniezno để xem Giáo hoàng hành lễ và nhìn thấy một đám đông bất tận “kéo dài đến ba cây số về tất cả các hướng”. Đại diện chính quyền, các nhà lãnh đạo, cảnh sát mất tăm mất dạng. “Chúng ta thì đông thế, còn họ thì ít thế”, chồng tôi nói. Trong chuyến đi này ngài luôn luôn nhắc: “Đừng sợ!”

Không phải vô tình mà một năm sau dân chúng Ba Lan có đủ can đảm để lập ra “Công đoàn đoàn kết”, một tổ chức chính trị chống cộng đầu tiên. Cũng không phải vô tình mà trong các nước Cộng sản khác người ta cũng bắt đầu thành lập các tổ chức “xã hội công dân”. Nếu điều đó là có thể ở Ba Lan thì tại sao lại không có thể ở Hungary hay ở Đông Đức. Năm 1989 Giáo hoàng hoàn toàn không cần thông đồng với Gorbachev, vì ngay từ năm 1979 ngài đã chứng tỏ cho mọi người thấy rằng tham vọng của Liên Xô về tính ưu việt về mặt đạo đức chỉ là những tham vọng rỗng tuếch. Ngài không cần những cuộc hội đàm bí mật vì ngài đã chứng tỏ rằng có thể nói điều quan trọng nhất một cách công khai. Nói một cách khác, ngài không cần ra chiến lũy vì ngài đã chứng minh rằng nhân dân có thể bước qua chiến tuyến.

Nguồn: Nguyên bản tiếng Anh How the Pope ‘Defeated Communism’ đăng trên Washington Post ngày 06.4.2005: <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/articles/A28398-2005Apr5.html?sub=new>

*Phạm Minh Ngọc dịch theo bản tiếng Nga: <http://www.inosmi.ru/translation/218638.html>
<http://Talawas.org>*

Nguồn: BKT sưu tầm tại đây: <http://www.lamhong.org/d%e1%bb%a9c-chan-ph%c6%b0%e1%bb%9bc-giao-hoang-gioan-phaolo-ii-tr%c6%b0%e1%bb%9bc-s%e1%bb%b1-s%e1%bb%a5p-d%e1%bb%95-c%e1%bb%a7a-ch%e1%bb%a7-nghia-c%e1%bb%99ng-s%e1%ba%a3n-6137-05-2012>

*Đăng ngày Chúa Nhật, May 13th, 2012
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QL-VNCH*